

Bản án số: **41/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày 30 - 8 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quang Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm M, sinh năm 1984. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 9, xã A, huyện P, tỉnh D

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn V T, sinh năm 1981. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 9, xã A, huyện P, tỉnh D

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Bà Phạm M trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã EaB Hốk, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, việc chung sống của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, hai bên gia đình có làm đám cưới theo phong tục tập quán. Trong thời gian chung sống với nhau 18 năm, lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm do tính cách hai vợ chồng trái ngược nhau, ông T không tôn trọng quan hệ vợ chồng, thường xuyên kiểm chuyện chửi bới, đánh đập bà. Vì thương con bà đã cố gắng chịu đựng nhưng ông T vẫn không chịu thay đổi. Hiện tại, cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn V T.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị M A, sinh ngày 08/9/2004 và Nguyễn H, sinh ngày 20/10/2008. Hiện các con đang do ông T nuôi dưỡng, nếu ly hôn bà theo nguyện vọng của các con, nếu các con theo bà, bà yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/02 con đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà và ông T có tài sản chung nhưng không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn V T trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Mai chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã EaB Hốk, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, việc chung sống của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, hai bên có làm đám cưới theo phong tục tập quán. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, ông có đánh bà Mai một lần nên bà Mai bỏ nhà đi và làm đơn ly hôn. Nay, bà Mai xin ly hôn ông không đồng ý vì còn thương vợ, thương con không muốn gia đình đổ vỡ.

- Về con chung: Ông và bà Mai có 02 con chung tên Nguyễn Thị M A, sinh ngày 08/9/2004 và Nguyễn H, sinh ngày 20/10/2008. Hiện các con đang do ông nuôi dưỡng, nếu ly hôn ông theo nguyện vọng của các con, các con theo ông, ông có trách nhiệm nuôi dưỡng và yêu cầu bà Mai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/02 con đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông bà có tài sản chung nhưng không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Phạm M đối với ông Nguyễn V T;

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị M A, sinh ngày 08/9/2004 và Nguyễn H, sinh ngày 20/10/2008 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng;

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà Mai có nghĩa vụ cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Thị M A, sinh ngày 08/9/2004 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) và Nguyễn H, sinh ngày 20/10/2008 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn Bà Phạm M có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn V T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Phạm M và ông Nguyễn V T là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã EaB Hók, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk ngày 03/11/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng trái ngược nhau, ông T không tôn trọng quan hệ vợ chồng, thường xuyên kiểm chuyện chửi bới, đánh đập nên nguyên đơn làm đơn xin ly hôn. Bị đơn đồng ý có đánh nguyên đơn nhưng không đồng ý ly hôn, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 08/7/2022, đại diện Ủy ban nhân dân xã An Linh huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương cho biết mâu thuẫn gia đình giữa bà Mai và ông T như thế nào địa phương không nắm rõ tuy nhiên các bên đều thống nhất mâu thuẫn vợ chồng do bị đơn đánh nguyên đơn. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn, bị đơn đã trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định Bà Phạm M và ông Nguyễn V T có 02 con chung tên Nguyễn Thị M A, sinh ngày 08/9/2004 và Nguyễn H, sinh ngày 20/10/2008. HĐXX xét thấy 02 con có nguyện vọng sống cùng ông T và hiện tại các con đang được ông T nuôi dưỡng, chăm sóc nên HĐXX xét thấy để đảm bảo tinh thần, vật chất cho các con nên cần giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con, nguyên đơn đồng ý nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Thị M A, sinh ngày 08/9/2004 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) và Nguyễn H, sinh ngày 20/10/2008 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm M đối với bị đơn ông Nguyễn V T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm M được ly hôn với ông Nguyễn V T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị M A, sinh ngày 08/9/2004 và Nguyễn H, sinh ngày 20/10/2008 cho ông Nguyễn V T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Phạm M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, ông Nguyễn V T cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở Bà Phạm M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Phạm M cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Thị M A, sinh ngày 08/9/2004 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) và Nguyễn H, sinh ngày 20/10/2008 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày người thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2021/0007758 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiên**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (số ngày );
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiên**